

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 33 Cao đẳng xây dựng DD & Ngành : Xây dựng dân dụng và công nghiệp Năm học : 2009 - 2010 ĐVHT : 3
Hệ ĐT : Cao đẳng Học Phần : Hoá học đại cương Học Kỳ : 1 Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3375010010	Bùi Văn	Bìn	24/03/1991	10	10					10.00	3.00			3	
2	3375010012	Nguyễn Văn	Bình	01/04/1991	7	4					5.50	1.65	6.00	4.20	6	Học lại
3	3375010020	Lâm Sĩ	Chiến	20/04/1991	1	6					3.50	1.05	5.00	3.50	5	
4	3375010021	Lê Văn	Chiến	24/10/1990	8	10					9.00	2.70	7.00	4.90	8	
5	3375010029	Lê Tấn	Cường	16/06/1988	6	8	6				6.67	2.00	6.00	4.20	6	Bảo lưu
6	3375010033	Nguyễn Hùng	Cường	02/02/1991	8	8					8.00	2.40	5.00	3.50	6	
7	3375010041	Đỗ Thanh	Diện	25/03/1990	8						8.00	2.40	4.00	2.80	5	Học lại
8	3375010046	Nguyễn Văn	Dũng	26/02/1991	6	9					7.50	2.25	9.00	6.30	9	
9	3375010070	Đinh Tấn	Đại	10/12/1991	7	6					6.50	1.95	5.00	3.50	5	
10	3375010087	Lê Văn	Định	13/05/1991	5	1					3.00	0.90	6.00	4.20	5	Học lại
11	3375010088	Hoàng Tiến	Đức	09/06/1989	7						7.00	2.10	8.00	5.60	8	Học lại
12	3375010091	Nguyễn Trung	Đức	10/08/1991	6	7					6.50	1.95	5.00	3.50	5	
13	3375010099	Tiêu Trí	Hây	10/08/1988	9	9					9.00	2.70	5.00	3.50	6	
14	3375010108	Lê Phạm Hoàng	Hải	27/02/1991	7	2					4.50	1.35	4.00	2.80	4	
15	3375010112	Trần Công	Hải	10/01/1991	5	3					4.00	1.20	7.00	4.90	6	Học lại
16	3375010131	Trương Văn	Hùng	20/01/1991	9	10					9.50	2.85	5.00	3.50	6	
17	3375010133	Phùng Bá	Huy	29/08/1991	4	7					5.50	1.65	5.00	3.50	5	
18	3375010139	Chung Văn	Hưởng	22/11/1990	10	10					10.00	3.00	5.00	3.50	7	
19	3375010141	Trà Trọng	Hữu	31/08/1989	5	5					5.00	1.50	5.00	3.50	5	
20	3375010148	Trần Lê	Khải	24/05/1990	3	6					4.50	1.35	8.00	5.60	7	Học lại
21	3275010106	Trần Văn	Lâm	10/12/1988	5	4	2				3.67	1.10	3.00	2.10	3	Bảo lưu

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3375010176	Phan Thành	Luân	10/12/1991	7	9					8.00	2.40	6.00	4.20	7	
23	3375010180	Lê Công	Lợi	01/01/1990	2	5					3.50	1.05	8.00	5.60	7	Học lại
24	3375010184	Nguyễn Tấn	Lưu	04/01/1991	8	10					9.00	2.70	9.00	6.30	9	
25	3375010191	Đặng Rơ	Min	01/01/1987	0	0					0.00	0.00	0.00	0.00	0	Học lại
26	3375010212	Đinh Văn	Nguyên	10/10/1988	4	7					5.50	1.65	5.00	3.50	5	
27	3375010218	Dương Văn	Nhệ	24/06/1979	5	5	4				4.67	1.40	5.00	3.50	5	Bảo lưu
28	3375010223	Hứa Xuân	Phăng	29/11/1990	4						4.00	1.20	7.00	4.90	6	Học lại
29	3375010231	Nguyễn Thanh	Phong	18/03/1991	8	5					6.50	1.95	2.00	1.40	3	
30	3375010238	Lê Phước	Phú	10/04/1989	4						4.00	1.20	6.00	4.20	5	Học lại
31	3375010241	Nguyễn Văn	Phú	27/09/1991	10	10					10.00	3.00	6.00	4.20	7	
32	3375010246	Trương Công	Phúc	02/03/1991	6	7					6.50	1.95	7.00	4.90	7	
33	3375010249	Nông Quốc	Phương	26/09/1986	9	9					9.00	2.70	5.00	3.50	6	
34	3375010261	Nguyễn Việt	Quốc	17/01/1991	6	7					6.50	1.95	8.00	5.60	8	
35	3375010263	Đồng Đăng	Quý	05/10/1989	8	7					7.50	2.25	5.00	3.50	6	
36	3375010272	Nguyễn Tấn	Sinh	08/08/1991	1	7					4.00	1.20	5.00	3.50	5	
37	3375010273	Nguyễn Công	Sơn	15/02/1991	8	5					6.50	1.95	7.00	4.90	7	
38	3375010282	Nguyễn Minh	Tâm	24/10/1990	3	8					5.50	1.65	7.00	4.90	7	
39	31CXD4031	Trần Minh	Tâm	07/08/1989	5	5					5.00	1.50	5.00	3.50	5	Bảo lưu
40	3375010284	Huỳnh Công	Tân	01/01/1991	8	8					8.00	2.40	6.00	4.20	7	Học lại
41	3375010336	Nguyễn Văn	Thường	10/03/1991	9	10					9.50	2.85	7.00	4.90	8	
42	3375010371	Văn Công	Tuân	03/02/1988	8	5	5				6.00	1.80	6.00	4.20	6	Bảo lưu
43	3375010378	Nguyễn Đình	Tuấn	20/07/1991	4	8					6.00	1.80	4.00	2.80	5	
44	3375010381	Phạm Tấn	Tuấn	08/08/1991	7	0					3.50	1.05	8.00	5.60	7	Học lại
45	3375010382	Trần Trung Anh	Tuấn	24/10/1988	6	9					7.50	2.25	6.00	4.20	6	Học lại
46	3375010404	Nguyễn Phú	Vinh	05/04/1991	0	0					0.00	0.00	0.00	0.00	0	Học lại
47	3375010408	Lê Bá	Vũ	08/03/1989		9					9.00	2.70	6.00	4.20	7	Học lại
48	3375010419	Nguyễn Ngọc	Vương	12/12/1991	8	5					6.50	1.95	4.00	2.80	5	

49	3375010425	Nguyễn Văn Hoàng	Xuân	12/01/1991	5	8					6.50	1.95	1.00	0.70	3	
----	------------	------------------	------	------------	---	---	--	--	--	--	------	------	------	------	---	--

Tổng: 49.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	2	4.1
Giỏi	4	8.2
Khá	11	22.4

Trưởng Khoa

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	11	22.4
Trung bình	14	28.6
Không đạt	7	14.3
Miễn thi	0	0.0

Tp.HCM, ngày/....../.....

Giáo Vụ Khoa